

Số: *69* /2020/TT-BCA

Hà Nội, ngày *22* tháng *6* năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định về kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp, quy trình kiểm tra, trách nhiệm, quyền hạn về kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Công an; Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an các đơn vị, địa phương); cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc kiểm tra

1. Đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế làm việc của Bộ Công an; điều lệnh Công an nhân dân; quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân.

3. Không làm cản trở đến các hoạt động bình thường của Công an các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Đối với một nội dung kiểm tra, ở một thời điểm, tại một đơn vị thì chỉ kiểm tra 01 lần; những lần kiểm tra khác liên quan đến nội dung đã kiểm tra chỉ trích dẫn lại nội dung kết quả kiểm tra của lần trước, trừ trường hợp có tình tiết khác xét thấy cần thiết phải kiểm tra lại thì nêu rõ căn cứ, mục đích kiểm tra đối với nội dung đó.

5. Áp dụng các quy định pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và các quy định khác trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để làm căn cứ xác định về hiện trạng môi trường, mức độ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của đối tượng kiểm tra.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thẩm quyền kiểm tra

1. Lãnh đạo Bộ Công an ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra, phê duyệt kế hoạch kiểm tra đối với các đoàn kiểm tra liên ngành do Bộ Công an chủ trì, có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức để giải quyết các vụ việc liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Bộ Công an.

2. Cục trưởng Cục Y tế ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra, phê duyệt kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với Công an các đơn vị, địa phương theo chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân. Xây dựng các chương trình dài hạn và hằng năm về kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân trình lãnh đạo Bộ Công an phê duyệt.

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra, phê duyệt kế hoạch kiểm tra do đơn vị chủ trì thực hiện.

Điều 4. Nội dung kiểm tra

1. Việc tuân thủ các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn, quy định của Bộ Công an về công tác bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Công tác phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường; việc giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ về bảo vệ môi trường;

b) Công tác triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường của Chính phủ, Bộ Công an và của Công an các đơn vị, địa phương; việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường;

c) Thực trạng phân công tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại đơn vị.

2. Công tác triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đang được áp dụng; công tác đầu tư, quản lý, sử dụng các hệ thống kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường của các đơn vị. Thực trạng các hoạt động, các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật có thể gây ảnh hưởng, tác động xấu đến môi trường; các trang thiết bị bảo hộ lao động, công cụ, biện pháp, công trình phòng chống rủi ro, sự cố thiên tai, sự cố môi trường và các yếu tố khác liên quan đến bảo vệ môi trường.

Điều 5. Đối tượng kiểm tra

1. Đối tượng kiểm tra ở Bộ Công an: Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Học viện, Trường Công an nhân dân, Bệnh viện Công an nhân dân.

2. Đối tượng kiểm tra ở địa phương:

a) Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Công an xã, phường, thị trấn.

3. Đối với các đoàn kiểm tra có sự phối hợp liên ngành thì đối tượng kiểm tra được xác định theo tính chất, mức độ vụ việc và theo sự chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

Điều 6. Hình thức kiểm tra

1. Kiểm tra định kỳ: Thực hiện kiểm tra thường xuyên theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo lộ trình, thời gian quy định, giúp người có thẩm quyền quyết định kiểm tra nắm chắc tình hình, kết quả thực hiện của đối tượng kiểm tra.

2. Kiểm tra đột xuất: Theo chỉ đạo của lãnh đạo các cấp; khi có vấn đề nảy sinh đột xuất về công tác bảo vệ môi trường; theo phản ánh, kiến nghị của Công an các đơn vị, địa phương hoặc tổ chức, cá nhân, chính quyền địa phương nơi đơn vị đóng quân.

Điều 7. Phương pháp kiểm tra

1. Kiểm tra trực tiếp: Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ công tác, thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương xem xét, quyết định kiểm tra trực tiếp công tác bảo vệ môi trường. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra trực tiếp và nghe đại diện đối tượng kiểm tra báo cáo chi tiết về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm

tra và kiến nghị, đề xuất. Thành viên đoàn kiểm tra căn cứ nội dung cụ thể, đề nghị đối tượng kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu và báo cáo, giải trình thêm. Căn cứ kết quả làm việc, đoàn kiểm tra trao đổi, hướng dẫn đối tượng kiểm tra khắc phục những tồn tại, vướng mắc về công tác bảo vệ môi trường hoặc đề xuất với lãnh đạo cấp trên hướng dẫn, chỉ đạo.

2. Kiểm tra gián tiếp: Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ công tác, thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương ủy quyền cho đối tượng kiểm tra tự kiểm tra theo kế hoạch đã được phê duyệt, báo cáo kết quả kiểm tra bằng văn bản, cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng minh kèm theo với thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương có thẩm quyền quyết định kiểm tra.

3. Căn cứ nhiệm vụ cụ thể, một cuộc kiểm tra có thể được thực hiện theo một hoặc kết hợp hai phương pháp kiểm tra nêu trên.

Điều 8. Quy trình kiểm tra

1. Chuẩn bị kiểm tra:

a) Xây dựng kế hoạch kiểm tra và ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra:

Căn cứ vào chương trình, kế hoạch công tác hàng năm hoặc đột xuất, Công an các đơn vị, địa phương tiến hành xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường. Kế hoạch kiểm tra xác định rõ đối tượng, mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp tiến hành và tiến độ thực hiện.

Căn cứ kế hoạch kiểm tra, đơn vị được giao tổ chức kiểm tra tập hợp danh sách, xây dựng quyết định thành lập đoàn kiểm tra. Thành phần gồm: Trưởng đoàn là đại diện của cơ quan ban hành quyết định kiểm tra, trường hợp cần thiết có 01 Phó trưởng đoàn; các thành viên còn lại do thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định kiểm tra quyết định, trong đó có tối thiểu 01 thành viên có chuyên môn môi trường và 01 thành viên có chuyên môn liên quan đến đối tượng kiểm tra.

Trường hợp tổ chức kiểm tra liên ngành, cần có tối thiểu 01 thành viên là đại diện cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường tại địa phương nơi tiến hành kiểm tra.

b) Kế hoạch tổ chức thực hiện: Trưởng đoàn kiểm tra xây dựng kế hoạch tiến hành kiểm tra chi tiết, cụ thể, bám sát mục đích, nội dung kiểm tra. Họp đoàn kiểm tra để thống nhất nội dung, trình tự thủ tục và phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn kiểm tra.

c) Thông báo bằng văn bản cho đối tượng kiểm tra về nội dung, thành phần và chương trình làm việc của đoàn kiểm tra. Thời gian thông báo ít nhất

05 ngày làm việc trước ngày đoàn tiến hành cuộc kiểm tra (trừ trường hợp kiểm tra đột xuất).

2. Tiến hành kiểm tra:

a) Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc kiểm tra được tiến hành khi có sự tham gia của ít nhất hai phần ba số lượng thành viên đoàn kiểm tra, trong đó phải có Trưởng đoàn hoặc Phó trưởng đoàn (khi được Trưởng đoàn ủy quyền), Thư ký đoàn kiểm tra và có mặt của đại diện có thẩm quyền của đối tượng kiểm tra.

b) Quá trình kiểm tra có thể thực hiện ghi âm, ghi hình, lấy mẫu phân tích, đánh giá chất lượng môi trường. Đối với các đối tượng kiểm tra thuộc bí mật nhà nước thì các hoạt động ghi âm, ghi hình, lấy mẫu phân tích, đánh giá chất lượng môi trường và thông tin về đối tượng kiểm tra phải thực hiện, quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Quá trình lấy mẫu phân tích, đánh giá chất lượng môi trường phải có sự chứng kiến của đại diện có thẩm quyền của đối tượng kiểm tra, được ghi nhận bằng biên bản lấy mẫu do 02 bên cùng ký xác nhận.

3. Lập biên bản kiểm tra:

a) Khi kết thúc kiểm tra, đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản kiểm tra. Biên bản kiểm tra phải thể hiện đầy đủ thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra, những yêu cầu, kiến nghị của đoàn kiểm tra và những kiến nghị, đề xuất của đối tượng kiểm tra.

b) Biên bản kiểm tra có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra hoặc Phó trưởng đoàn (khi được Trưởng đoàn ủy quyền), đại diện có thẩm quyền của đối tượng kiểm tra và các bên liên quan, lập thành nhiều bản đảm bảo mỗi bên tham gia giữ 01 bản để làm căn cứ thực hiện.

4. Kết thúc kiểm tra:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra về kết luận kiểm tra và kiến nghị các biện pháp xử lý (nếu có).

Đối với kiểm tra gián tiếp, trong thời hạn được yêu cầu, đối tượng kiểm tra được ủy quyền báo cáo kết quả kiểm tra bằng văn bản đối với cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

Trường hợp phát hiện cá nhân, đơn vị trong Công an nhân dân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, người ra quyết định kiểm tra có trách nhiệm

thông báo cho cơ quan thanh tra, Cảnh sát môi trường cùng cấp biết để tiến hành các biện pháp thanh tra, điều tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Trước khi kết luận, nếu xét thấy cần thiết thì người ra quyết định kiểm tra gửi dự thảo kết luận kiểm tra cho đối tượng kiểm tra. Việc giải trình những vấn đề chưa nhất trí (nếu có) của đối tượng kiểm tra với nội dung của dự thảo kết luận kiểm tra được thực hiện bằng văn bản và có các tài liệu chứng minh kèm theo. Kết luận kiểm tra sau khi có ý kiến phê duyệt của người ra quyết định được gửi đến: đối tượng kiểm tra; thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương hoặc tổ chức, cá nhân quản lý đối tượng kiểm tra; Cục Y tế nếu là kết luận kiểm tra do thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

5. Thực hiện kết luận kiểm tra:

Sau khi nhận được kết luận kiểm tra, thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương hoặc tổ chức, cá nhân quản lý đối tượng kiểm tra có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo thông báo kết luận kiểm tra;

b) Áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để chấn chỉnh, khắc phục những sai sót, bất cập trong công tác bảo vệ môi trường tại đơn vị;

c) Báo cáo với cơ quan đã ban hành kết luận kiểm tra về kết quả thực hiện kết luận kiểm tra và đề xuất kiến nghị (nếu có);

Nếu biện pháp xử lý do đoàn kiểm tra đề xuất thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý môi trường Bộ Công an thì đơn vị tổ chức kiểm tra có văn bản báo cáo Cục Y tế để xem xét, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an phương án giải quyết theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

6. Hồ sơ kết thúc kiểm tra:

a) Tài liệu chuẩn bị tổ chức kiểm tra gồm:

Các văn bản làm căn cứ để tổ chức kiểm tra: chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các văn bản, đơn thư phản ánh, kiến nghị của Công an các đơn vị, địa phương hoặc tổ chức, cá nhân, chính quyền địa phương nơi đóng quân (trong trường hợp kiểm tra đột xuất);

Quyết định thành lập đoàn kiểm tra.

b) Tài liệu trong quá trình tổ chức kiểm tra gồm:

Báo cáo, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra do đối tượng kiểm tra cung cấp;

Biên bản kiểm tra;

Các tài liệu liên quan do đoàn kiểm tra thu thập được trong quá trình kiểm tra.

c) Tài liệu kết thúc kiểm tra gồm:

Kết luận kiểm tra, các kết quả phân tích, đánh giá chất lượng môi trường (nếu có);

Văn bản giải trình, báo cáo kết quả của đối tượng kiểm tra về việc thực hiện kết luận kiểm tra (nếu có);

Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên đoàn kiểm tra

1. Trách nhiệm và quyền hạn chung của các thành viên đoàn kiểm tra

a) Chấp hành các quy định của pháp luật, quy định của Bộ Công an về kiểm tra, thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch và chương trình kiểm tra được phê duyệt;

b) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu được cung cấp phục vụ hoạt động kiểm tra;

c) Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo, giải trình liên quan đến nội dung kiểm tra;

d) Quản lý các tài liệu được cung cấp theo quy định của pháp luật và bàn giao lại khi có yêu cầu của cơ quan thực hiện việc kiểm tra sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

đ) Trong quá trình tổ chức kiểm tra, nếu phát hiện những vấn đề bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường của đối tượng kiểm tra vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình, phải kịp thời báo cáo, tham mưu với các cấp có thẩm quyền để giải quyết, khắc phục.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng đoàn kiểm tra

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Trưởng đoàn kiểm tra còn có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Chủ trì, điều hành và chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của đoàn kiểm tra;

b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn kiểm tra;

c) Chỉ đạo lập và duyệt, ký biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra với người ra quyết định kiểm tra; chỉ đạo lập hồ sơ kết thúc kiểm tra;

3. Phó trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm và quyền hạn của thành viên đoàn kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều này và của Trưởng đoàn kiểm tra trong trường hợp được Trưởng đoàn ủy quyền.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Thư ký đoàn kiểm tra

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Thư ký đoàn kiểm tra còn có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Tập hợp, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu cho các thành viên đoàn kiểm tra phục vụ hoạt động kiểm tra;

b) Thông báo cho đối tượng kiểm tra, các thành viên đoàn kiểm tra và các tổ chức, cá nhân có liên quan về chương trình, kế hoạch kiểm tra;

c) Tổng hợp kết quả, lập biên bản kiểm tra phản ánh đầy đủ, trung thực nội dung kiểm tra;

d) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, thông báo kết luận kiểm tra;

đ) Lập hồ sơ kết thúc kiểm tra;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng đoàn phân công.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của đối tượng kiểm tra

1. Trách nhiệm của đối tượng kiểm tra

a) Cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn bản gửi cho đoàn kiểm tra trước thời điểm kiểm tra trước ít nhất 02 ngày làm việc, giải trình những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu, báo cáo đã cung cấp. Trong trường hợp kiểm tra đột xuất không phải chuẩn bị báo cáo bằng văn bản;

b) Bố trí cán bộ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để đoàn kiểm tra làm việc trong thời gian tiến hành kiểm tra tại đơn vị;

c) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu, kiến nghị, kết luận kiểm tra.

2. Quyền hạn của đối tượng kiểm tra

a) Có quyền đề nghị Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra làm rõ những vấn đề còn chưa thống nhất trong quá trình tiến hành kiểm tra và nội dung biên bản kiểm tra, thông báo kết luận kiểm tra;

b) Có quyền khiếu nại về kết quả kiểm tra, kết luận kiểm tra, tố cáo về các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động kiểm tra.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2020 và thay thế nội dung quy định về kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại Thông tư 29/2007/TT-BCA(E11) ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu công tác hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý, báo cáo kết quả kiểm tra công tác bảo vệ môi trường do đơn vị thực hiện về Cục Y tế để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an.

2. Cục Y tế chủ trì tham mưu giúp lãnh đạo Bộ Công an đơn đốc, kiểm tra việc thi hành Thông tư này.

3. Quá trình thi hành nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Y tế) để kịp thời hướng dẫn, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, H06. 140b.



Đại tướng Tô Lâm